

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

**Số: 89/CÔNG TY TNHH NESTLÉ VIỆT NAM/2018**

**(TCCS 89:2019/NVL)**

**I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm:**

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY TNHH NESTLÉ VIỆT NAM**

Địa chỉ: **KCN BIÊN HOÀ 2, PHƯỜNG LONG BÌNH, THÀNH PHỐ BIÊN HOÀ, TỈNH ĐỒNG NAI, VIỆT NAM**

Điện thoại: **02513 -836601**

Fax: **02513-836602**

E-mail:.....

Mã số doanh nghiệp: 3600235305

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 000136/2017/ATTP-CNĐK / Ngày cấp: 13/02/2017 /Nơi cấp: Cục An Toàn Thực Phẩm - Bộ Y Tế (đối với cơ sở thuộc đối tượng phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định)

**II. Thông tin về sản phẩm:**

1. Tên sản phẩm: **THỰC PHẨM BỔ SUNG KEM LY NESTLÉ MILO**
2. Thành phần: Nước, đường (đường nâu/đường trắng), dầu cọ, sữa (sữa bò), chiết xuất mạch nha (chứa lúa mạch), maltodextrin, bột cacao, sirô glucose, chất ổn định (410, 412, 407, 466), chất nhũ hóa 471 (chứa *lecithin đậu nành*), hương giống tự nhiên (sôcôla, mạch nha), dicalcium phosphate, disodium phosphate, Vitamin C, Ferric pyrophosphate, Niacin, Vitamin D, Vitamin B6, Vitamin B2, vitamin B12.  
*Có thể chứa gluten, đậu phộng và các loại hạt.*
3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng kể từ tháng sản xuất
4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:  
Qui cách đóng gói: Khối lượng tịnh: 53 g/ly, 212 g (4 ly x 53 g), 48 ly/thùng  
Chất liệu bao bì: sản phẩm được đóng gói trong ly nhựa PP, nắp giấy phủ nhựa PE, sau đó được cho vào hộp giấy, hộp giấy được đóng vào thùng carton.
5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm: Công ty Nestlé Manufacturing (Malaysia) SDN. BHD.



Địa chỉ: Lot 3857-3862, Jalan Perusahaan 4, Kawasan Perindustrian Chembong, 71300 Chembong, Rembau, Negeri Sembilan Darul Khusus, Malaysia.

**III. Mẫu nhãn sản phẩm:** *Có nhãn đính kèm*

**IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:**

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

1. Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số:

- QCVN 8-3:2012/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm (mục 7.1)

2. Thông tư của các Bộ, ngành:

- Quyết định số 38/2018/QĐ-BYT: Quy định mức giới hạn tối đa của melamine nhiễm chéo trong thực phẩm

- Quyết định số 3742/2001/QĐ-BYT: Quy định danh mục các chất phụ gia được phép sử dụng trong thực phẩm (các chất tạo hương)

- Thông tư 27/2012/TT-BYT: Hướng dẫn việc quản lý phụ gia thực phẩm và Thông tư 08/2015/TT-BYT: Sửa đổi, bổ sung một số quy định của thông tư số 27/2012/TT-BYT ngày 30 tháng 11 năm 2012 của bộ trưởng bộ y tế hướng dẫn việc quản lý phụ gia thực phẩm.

3. Tiêu chuẩn quốc gia số:

- TCVN 7402 : 2004: Kem thực phẩm-Yêu cầu kỹ thuật (mục 4.5.1, 4.5.2)

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

...BH., ngày 23 tháng 07 năm 2019.

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

*(Ký tên, đóng dấu)*



**Phan Trọng Chinh**

**Trưởng đơn vị phát triển kinh doanh ngành hàng**



## Nội dung ghi nhãn của sản phẩm

(Nhãn phụ của sản phẩm)

### THỰC PHẨM BỔ SUNG KEM LY NESTLÉ MILO

**Thành phần:** Nước, đường (đường nâu/đường trắng), dầu cọ, sữa (sữa bò), chiết xuất mạch nha (chứa lúa mạch), maltodextrin, bột cacao, sirô glucose, chất ổn định (410, 412, 407, 466), chất nhũ hóa 471 (chứa lecithin đậu nành), hương giống tự nhiên (sôcôla, mạch nha), dicalcium phosphate, disodium phosphate, Vitamin C, Ferric pyrophosphate, Niacin, Vitamin D, Vitamin B6, Vitamin B2, vitamin B12.

*Có thể chứa gluten, đậu phộng và các loại hạt.*

**Khối lượng tịnh:** 212 g (4 ly x 53 g) (tương đương 420 ml (4 ly x 105 ml)

**Ngày sản xuất (NSX):** 12 tháng trước hạn sử dụng (HSD)

**Hạn sử dụng (HSD):** Xem “USE BY” dưới đáy hộp

**Hướng dẫn sử dụng, bảo quản:** Ăn lạnh trực tiếp. Bảo quản lạnh dưới (-20°C).

**Lưu ý:** Không dùng cho người dị ứng với các thành phần của sản phẩm.

Nên sử dụng sản phẩm cho trẻ từ 6 tuổi trở lên với tối đa 4-5 khẩu phần (53 g/ khẩu phần) mỗi ngày.

**Xuất xứ:** Malaysia

**Sản xuất bởi:** Công ty Nestlé Manufacturing (Malaysia) SDN. BHD.

**Địa chỉ:** Lot 3857-3862, Jalan Perusahaan 4, Kawasan Perindustrian Chembong, 71300 Chembong, Rembau, Negeri Sembilan Darul Khusus, Malaysia.

**Thương nhân nhập khẩu và tự công bố:** Công ty TNHH Nestlé Việt Nam, Khu Công Nghiệp Biên Hòa 2, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

**Tư vấn khách hàng:** 1800-6699 (miễn phí cuộc gọi)

**Tiêu chuẩn sản phẩm số:** TCCS 89:2019/NVL



## Testing Report / Báo cáo Kết quả Phân tích

Applicant / ref. (Khách hàng / số yêu cầu) : CÔNG TY TNHH NESTLÉ VIỆT NAM  
 Information provided by applicant : Thực phẩm bổ sung Kem ly NESTLÉ MILO  
 (thông tin được khách hàng cung cấp)  
 Sample description (Mô tả mẫu) : Kem  
 Seal No (Số niêm) : No seal number / Không niêm  
 Source of sample (Nguồn mẫu) : Sample submitted/ Mẫu nhận từ khách hàng  
 Sample received on (Ngày nhận mẫu) : 31-May-2019  
 Sample tested on (Ngày phân tích) : 31-May-2019

## Testing Results / Kết quả phân tích

No./STT	Parameters / Chỉ tiêu	Unit / Đơn vị	Result / Kết quả	LOD / Giới hạn phát hiện	Test Method / Phương pháp phân tích
1	Melamine (*)	mg/kg	Not Detected/ Không phát hiện	0.01	FST-WI01 chapter 12 (LC/MS/MS)
2	Aflatoxin M1 (*)	µg/L	Not Detected/ Không phát hiện	0.10	FST-WI01 chapter 14 (Ref. AOAC 2000.08:2004) (LC/MS/MS)
3	Arsenic content (As)/ Hàm lượng Asen	mg/kg	Not Detected/ Không phát hiện	0.10	AOAC 986.15:2005 Modified/AAS
4	Cadmium content (Cd)/ Hàm lượng Cadimi	mg/kg	Not Detected/ Không phát hiện	0.025	AOAC 999.11:2005 Modified/AAS
5	Lead content (Pb)/ Hàm lượng chì	mg/kg	Not Detected/ Không phát hiện	0.10	AOAC 999.11:2005 Modified/AAS
6	Mercury content (Hg)/ Hàm lượng thủy ngân	mg/kg	Not Detected/ Không phát hiện	0.02	AOAC 974.14:2005 Modified/AAS
7	Enterobacteriaceae	CFU/g	<10	-	ISO 21528-2: 2017
8	Salmonella spp.	/25g	Not Detected/ Không phát hiện	-	ISO 6579-1:2017

### Note / Ghi chú:

- This testing result is only valid on tested sample.
- (\*) Parameters are not accredited ISO 17025
- According to the test method of Microbiology, the result is expressed as less than 10 CFU/g when the dish contains no colony

On behalf of Intertek Vietnam-Can Tho branch



This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of Service which is available on request and at <http://www.intertek.com/terms>.

### Intertek Vietnam Limited

#### Food Laboratory:

M10, 11, 12, 13 KDT Nam Song Can Tho, Thanh Thuan Area,  
 Phu Thu Ward, Cai Rang District, Can Tho City, Vietnam

Tel: +84 292 391 7887

Fax: +84 292 391 7711

Email: [cs.cantho@intertek.com](mailto:cs.cantho@intertek.com)

Website: [www.intertek.com](http://www.intertek.com) / [www.intertek.vn](http://www.intertek.vn)

